**MỤC LỤC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** | | **GHI CHÚ** |
| TỪ | ĐẾN |
| 01 | Thủ tục phê chuẩn |  |  |  |
| 02 | Mục Lục |  |  |  |
| 03 | Mật danh thông tin liên lạc (1. Mật danh TT; 2. Mật danh CH - ĐV |  |  |  |
| 04 | Tóm tắt nội dung 4 trạng thái SSCĐ |  |  |  |
| 05 | Thời gian chuyển trạng thái SSCĐ |  |  |  |
| 06 | Thời gian thực hiện các nội dung CTT-SSCĐ của chỉ huy, đơn vị |  |  |  |
| 07 | Tổ chức lực lượng các mục tiêu quan trọng và doanh trại |  |  |  |
| 08 | Phân công tổ, nhóm công tác |  |  |  |
| 09 | Tổ chức lực lượng cơ động, ở lại |  |  |  |
| 10 | Tổ chức lực lượng thời bình, thời chiến fBB325 |  |  |  |
| 11 | Thống kê quân số |  |  |  |
| 12 | Thống kê vũ khí, trang bị, phương tiện |  |  |  |
| 13 | Thời gian mở niêm bảo đảm cho chuyển trạng thái SSCđ |  |  |  |
| 14 | Lượng dự trữ, vật chất hậu cần chủ yếu |  |  |  |

**TÍN HIỆU ƯU TIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUÝ I** | **QUÝ II** | **QUÝ III** | **QUÝ IV** |
| VTĐ: 9821 | VTĐ: 9822 | VTĐ: 9823 | VTĐ: 9824 |
| HTĐ: 9821 | HTĐ: 9822 | HTĐ: 9823 | HTĐ: 9824 |

**TÍN HIỆU PHỤ CHUYỂN TRẠNG THÁI SSCĐ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NHIỆM VỤ** | **QUÝ I** | **QUÝ II** | **QUÝ III** | **QUÝ IV** |
| A3 | 931 | 932 | 933 | 934 |
| A4 | 941 | 942 | 943 | 944 |

**MẬT DANH CHUYỂN TRẠNG THÁI SSCĐ VÀ ĐỘNG VIÊN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** | **6 THÁNG ĐẦU NĂM** | **6 THÁNG CUỐI NĂM** | **GHI CHÚ** |
| 01 | Sư đoàn 325 | 1332 | 1532 |  |
| 02 | Trung đoàn 18 | 1334 | 1534 |  |
| 03 | Trung đoàn 95 | 1336 | 1536 |  |
| 04 | Trung đoàn 101 | 1338 | 1538 |  |

**MẬT DANH THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**1. MẬT DANH THÔNG TIN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG THÔNG TIN** | **TÍN HIỆU** | | **GHI CHÚ** |
| **HTĐ** | **VTĐ** |
| 01 | Đơn vị bắt đầu cơ động | Sông Chảy | 222 |  |
| 02 | Đơn vị đến khu sơ tán | Sông Lô | 444 |  |
| 03 | Đơn vị đến khu tập kết bí mật | Sông Cầu | 666 |  |
| 04 | Đơn vị đến khu tập trung bí mật | Sông Hồng | 888 |  |

**2. MẬT DANH CHỈ HUY, ĐƠN VỊ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| MẬT DANH CHỈ HUY | | | | | MẬT DANH ĐƠN VỊ | | | | |
| CHỨC DANH CHỈ HUY | 6 THÁNG ĐẦU NĂM | | 6 THÁNG CUỐI NĂM | | ĐƠN VỊ | 6 THÁNG ĐẦU NĂM | | 6 THÁNG CUỐI NĂM | |
| VTĐ | HTĐ | VTĐ | HTĐ | VTĐ | HTĐ | VTĐ | HTĐ |
| Sư đoàn trưởng | 4C1 | C1 | 1C4 | 1C | fBB325 | Tân Mỹ | C1 | Hồng Thái | C51 |
| Chính ủy Sư đoàn | 4C2 | C2 | 2C4 | 2C | eBB101 | 61 | 613 | 16 | 160 |
| Phó Sư đoàn trưởng - TMT | 4C3 | C3 | 3C4 | 3C | eBB95 | 65 | 653 | 15 | 150 |
| Phó chính ủy Sư đoàn | 0C4 | C4 | 4C0 | 4C | eBB18 | 68 | 683 | 18 | 180 |
| Phó Sư đoàn trưởng | 4C5 | C5 | 5C4 | 5C | dPB14 | 054 | C154 | 405 | C451 |
| Chủ nhiệm chính trị/f | 9X7 | X7 | 7X6 | 7X | dPB15 | 055 | C155 | 505 | C551 |
| Chủ nhiệm hậu cần/f | 9Y7 | Y7 | 7Y6 | 7Y | dPK16 | 056 | C156 | 605 | C651 |
| Chủ nhiệm kỹ thuật/f | 9Q7 | Q7 | 7Q6 | 7Q | dCB17 | 057 | C157 | 705 | C751 |
| Phó Tham Mưu trưởng TC/f | 9C7 | C7 | 7C6 | 7C | dTT18 | 058 | C158 | 805 | C851 |
| Phó Tham Mưu trưởng HL/f | 9J7 | J7 | 7J6 | 7J | dQY24 | 059 | C159 | 905 | C951 |
| **Trung đoàn trưởng/eBB101** | **4X1** | **X1** | **1X4** | **1X** | dVT25 | 150 | C152 | 051 | C251 |
| Chính ủy Trung đoàn | 4X2 | X2 | 2X4 | 2X | cTS20 | 0509 | C355 | 509 | C535 |
| Phó Trung đoàn trưởng - TMT | 4X3 | X3 | 3X4 | 3X | cVB23 | 0506 | C356 | 506 | C536 |
| Phó Chính ủy Trung đoàn | 0X4 | X4 | 4X0 | 4X | cSC26 | 0507 | C357 | 507 | C537 |
| Phó Trung đoàn trưởng | 4X5 | X5 | 5X4 | 5X | c29 | 0508 | C358 | 508 | C538 |
| **Trung đoàn trưởng/eBB95** | **4Y1** | **Y1** | **1Y4** | **1Y** |  |  |  |  |  |
| MẬT DANH CHỈ HUY | | | | | MẬT DANH ĐƠN VỊ | | | | |
| CHỨC DANH CHỈ HUY | 6 THÁNG ĐẦU NĂM | | 6 THÁNG CUỐI NĂM | | ĐƠN VỊ | 6 THÁNG ĐẦU NĂM | | 6 THÁNG CUỐI NĂM | |
| VTĐ | HTĐ | VTĐ | HTĐ | VTĐ | HTĐ | VTĐ | HTĐ |
| Chính ủy Trung đoàn | 4Y2 | Y2 | 2Y4 | 2Y |  |  |  |  |  |
| Phó Trung đoàn trưởng - TMT | 4Y3 | Y3 | 3Y4 | 3Y |  |  |  |  |  |
| Phó Chính ủy Trung đoàn | 0Y4 | Y4 | 4Y0 | 4Y |  |  |  |  |  |
| Phó Trung đoàn trưởng | 4Y5 | Y5 | 5Y4 | 5Y |  |  |  |  |  |
| **Trung đoàn trưởng/eBB18** | **4Q1** | **Q1** | **1Q4** | **1Q** |  |  |  |  |  |
| Chính ủy Trung đoàn | 4Q2 | Q2 | 2Q4 | 2Q |  |  |  |  |  |
| Phó Trung đoàn trưởng - TMT | 4Q3 | Q3 | 3Q4 | 3Q |  |  |  |  |  |
| Phó Chính ủy Trung đoàn | 0Q4 | Q4 | 4Q0 | 4Q |  |  |  |  |  |
| Phó Trung đoàn trưởng | 4Q5 | Q5 | 5Q4 | 5Q |  |  |  |  |  |
| Tiểu đoàn trưởng | 4C12 | C12 | 12C4 | 12C |  |  |  |  |  |
| Phó Tiểu đoàn trưởng | 4C13 | C13 | 13C4 | 13C |  |  |  |  |  |
| Chính trị viên Tiểu đoàn | 4C15 | C15 | 15C4 | 15C |  |  |  |  |  |
| Chính trị viên phó Tiểu đoàn | 4C16 | C16 | 16C4 | 15C |  |  |  |  |  |
| Đại đội trưởng | 4N6 | N6 | 6N4 | 6N |  |  |  |  |  |
| Chính trị viên Đại đội | 4N7 | N7 | 7N4 | 7N |  |  |  |  |  |
| Phó Đại đội trưởng | 4N8 | N8 | 8N4 | 8N |  |  |  |  |  |
| Chính trị viên phó Đại đội | 4N9 | N9 | 9N4 | 9N |  |  |  |  |  |
| Trung đội trưởng | 4H6 | H6 | 6H4 | 6H |  |  |  |  |  |
| Phó Trung đội trưởng | 4H7 | H7 | 7H4 | 7H |  |  |  |  |  |
| Tiểu đội trưởng | 4H8 | H8 | 8H4 | 8H |  |  |  |  |  |

**TÓM TẮT NỘI DUNG 4 TRẠNG THÁI SSCĐ**

| **STT** | **TRẠNG THÁI SSCĐ** | **NỘI DUNG CHÍNH CỦA TỪNG TRẠNG THÁI** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- |
| **01** | **THƯỜNG XUYÊN**  - Khi an ninh chính trị của đất nước cơ bản ổn định, nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp gây mất ổn định ANCT-TTATXH, cuộc đấu tranh chống "Diễn biến hoà bình", đấu tranh bảo vệ biên giới, vùng biển, đảo, vùng trời, lợi ích quốc gia và an ninh phi truyền thống vẫn diễn ra thường xuyên.  - Khi địch chưa có dấu hiệu hoạt động quân sự xâm phạm độc lập, chủ quyền của đất nước.  - Cả nước hoạt động theo thời bình, QĐND và DQTV ở trạng thái SSCĐ thường xuyên. | **1. Vị trí chỉ huy**  Chỉ huy từ Đại đội đến các đơn vị phải tổ chức hệ thống trực chỉ huy, trực ban, trực chiến theo quy định. Nắm vững tình hình diễn biến về an ninh, chính trị, hoạt động của địch thuộc khu vực được phân công, chú ý các trọng điểm, địa bàn phức tạp có thể gây mất ổn định chính trị, xã hội. Hệ thống thông tin liên lạc (TTLL), bảo đảm cơ yếu hoạt động thường xuyên thông suốt, phòng chống có hiệu quả tác chiến điện tử, Tác chiến không gian mạng của địch, bảo đảm an ninh thông tin; chú ý mạng thông báo, báo động các cấp. Phòng chống và xử lý kịp thời các tình huống theo đúng chức năng, quyền hạn và báo cáo cấp trên theo quy định.  **2. Tuần tra cảnh giới, tổ chức nắm địch**  **a) Tuần tra cảnh giới.**  - Thực hiện nghiêm chế độ tuần tra, canh gác bảo vệ an toàn khu vực đóng quân, kho tàng, nhà xe... của đơn vị mình.  **b) Tổ chức nắm địch**.  - Kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng an ninh, quân báo trinh sát của trên với cấp uỷ, chính quyền địa phương, công an. Thường xuyên nắm và thông bóa tình hình địch cho các đơn vị để kịp thời xử trí. Thực hiện xây dựng đơn vị, gắn với xây dựng địa bàn an toàn, làm tốt công tác vận đọng quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị trên địa bàn đóng quân và khu vực được giao nhiệm vụ tác chiến;  - Quản lý tốt tình hình nội bộ, đề phòng địch móc nối cài cắm.  **3. Tổ chức lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu**  - Đại đội duy trì 1/3 lực lượng trực chiến.  - Lực lượng trực chiến cho Tiểu đoàn = 1a ( đơn vị trực theo lịch đã phân công)  - Đơn vị đảm nhiệm trực chiến cho cấp trên thì không được lấy đơn vị đó trực chiến cho cấp mình.  **4. Vũ khí trang bị kỹ thuật**  - Vũ khí trang bị kỹ thuật (VKTBKT) của các đơn vị làm nhiệm vụ trực chiến luôn sẵn sàng chiến đấu;  - VKTBKT của các đơn vị làm nhiệm vụ chiến đấu luôn phải đủ biên chế, đồng bộ (Kbđ = 1), tình trạng kỹ thuật tốt (Kt =1), SSCĐ được ngay;  - VKTBKT của các đơn vị làm nhiệm vụ canh gác, trực chiến, huấn luyện, sử dụng thường xuyên phải thực hiện chế độ bảo quản thường xuyên, không niêm cất; số còn lại niêm cất ngắn hạn, dài hạn theo quy định hiện hành.  **5. Bảo đảm vật chất hậu cần, kỹ thuật**  Thực hiện theo chỉ thị của Tư lệnh Quân đoàn về dự trữ đạn, vật chất hậu cần, kỹ thuật bảo đảm cho nhiệm vụ SSCĐ. |  |
| **02** | **TĂNG CƯỜNG**  - Khi an ninh, chính trị của đất nước cơ bản vẫn giữ được ổn định. Nhưng trên một hay nhiều khu vực hoặc cả nước tình hình ANCT-TTATXH diễn biến phức tạp, có khả năng lực lượng phản động gây bạo loạn, cướp chính quyền hoặc địch chuẩn bị can thiệp từ bên ngoài vào để hỗ trợ cho bọn phản động trong nội địa bạo loạn cướp chính quyền.  - Khi có dấu hiệu địch chuẩn bị cấm vận, bao vây, phong toả đường biển, đường không, lấn chiếm biên giới, biển, đảo, vô hiệu hóa thông tin chuyền thông, tập kích hoả lực.  - Khi có triệu chứng địch chuẩn bị tấn công xâm lược.  - Các đơn vị khi nhận được lệnh phải chuyển lên trạng thái SSCĐ tăng cường để chuẩn bị thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu cần thiết. | **1. Vị trí chỉ huy**  - Nhận và truyền lệnh cho các đơn vị thuộc quyền chuyển lên trạng thái SSCĐ tăng cường;  - Nghiên cứu đánh giá tình hình, bổ sung điều chỉnh quyết tâm, kế hoạch, nhiệm vụ cho các đơn vị;  - Chỉ huy và giúp đỡ các đơn vị chuyển trạng thái SSCĐ; tiến hành mở niêm bảo quản ngắn hạn, chuẩn bị mở niêm bảo quản dài hạn và đơn vị đôn đôcchuẩn bị chuyển lên trạng thái SSCĐ cao hơn.  - Kiện toàn, bổ sung thành phần trực SSCĐ, tăng cường tuần tra, canh gác bảo vệ các mục tiêu trọng yếu. Nắm chắc tình hình chuyển trạng thái của các đơn vị, diễn biến tình hình địch nội, ngoại biên, vùng trời, vùng biển.  - Kiểm tra đường cơ động, VTCH ở khu tập kết (phương án A2), khu sơ tán, khu tập trung bí mật (phương án A). Nắm chắc tình hình địch, địa bàn đảm nhiệm, mục tiêu phải bảo vệ và mục tiêu đánh chiếm lại.  - Kiểm tra, bổ sung kế hoạch triển khai, bảo đảm TTLL, ký tín hiệu hiệp đồng cho lực lượng làm nhiệm vụ A2, hướng trọng điểm; chuẩn bị tiếp nhận một số kênh, mạng thông tin của Nhà nước.  - Hiệp đồng với địa phương để nắm chắc số lượng, chất lượng quân dự bị và phương tiện động viên theo kế hoạch thời chiến.  - Hạn chế nghỉ phép, an dưỡng, gọi những quân nhân cần thiết và các đơn vị ở ngoài về đơn vị.  - Các đơn vị rà soát lại kế hoạch chuyển trạng thái SSCĐ, kế hoạch bảo đảm, kế hoạch huấn luyện.  - Báo cáo kịp thời kết quả chuyển trạng thái SSCĐ, diễn biến về an ninh, chính trị, tình hình địch nội địa, vùng trời. Thông báo cho các đơn vị hiệp đồng những tin tức có liên quan.  **2. Tuần tra cảnh giới, tổ chức nắm địch**  **a) Tuần tra cảnh giới.**  - Trong thành phố, thị xã, thị trấn trọng điểm A2, vùng trời, phải tăng cường lực lượng tuần tra, cảnh giới, kiểm soát bảo vệ các mục tiêu quân sự, chính trị, kinh tế quan trọng trong khu vực nhiệm vụ được giao. Bảo vệ VTCH, thông tin, kho tàng, doanh trại đơn vị. Sẵn sàng tiêu diệt địch xâm nhập.  **b) Tổ chức nắm địch.**  Tăng cường lực lượng, phương tiện quan sát để nắm địch trên biên giới, trên không, trên biển, nội ngoại biên, chú ý các khu vực trọng điểm; kịp thời phát hiện âm mưu, thủ đoạn hoạt động của lực lượng phản động, phối hợp với Công an và chính quyền địa phương bắt giữ bọn đầu sỏ quá khích. Phát hiện vị trí tập trung lực lượng, phương tiện, hướng, thời gian, phương pháp tiến công trên bộ, trên không, trên biển bằng hỏa lực, xung lực, TCĐT, tác chiến không gian mạng của địch, không để bị động, bất ngờ.  **3. Tổ chức lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu**  - Đại đội sử dụng 1/3 lực lượng để trực chiến.  - Lực lượng trực chiến cho Tiểu đoàn = 1b (Theo lịch đã phân công). Sẵn sàng làm nhiệm vụ tại chỗ hoặc cơ động.  - Triển khai lực lượng bảo vệ các khu vực đóng quân thường xuyên, kho tàng các mục tiêu trọng yếu. Các đơn vị bảo vệ các mục tiêu không để mất có thể triển khai trước một bộ phận ở khu tập kết hoặc trong mục tiêu bảo vệ và sẵn sàng mở, phủ, lấp các công trình ngầm.  **4. Vũ khí trang bị kỹ thuật**  - Các đơn vị làm nhiệm vụ SSCĐ tiến hành mở niêm bảo quản ngắn hạn. Kiểm tra đồng bộ, cấp phát vũ khí, trang bị, vật chất, nhiên liệu, khôi phục ngay tình trạng kỹ thuật và đồng bộ cho nhóm VKTBKT huấn luyện, sử dụng thường xuyên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SSCĐ.  - Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật chất để tiến hành mở niêm số VKTBKT còn lại và sơ tán khi có lênh.  - Chuẩn bị đủ VKTBKT cho nhiệm vụ dự bị động viên, quân dự bị.  **5. Bảo đảm vật chất hậu cần, kỹ thuật**  - Tổ chức cấp phát vật chất hậu cần, trang bị, kỹ thuật, vật chất bảo đảm cho SSCĐ. Kiểm tra số lượng, chất lượng các chủng loại dự trữ, sẵn sàng vận chuyển, sơ tán, cấp phát khi có lệnh. Điều chỉnh bổ sung kịp thời cho các đơn vị chiến đấu đầu tiên, đơn vị trên hướng chủ yếu, địa bàn trọng điểm và những đơn vị ở xa.  - Chuẩn bị khu vực HC-KT và khả năng huy động vật chất HC-KT trong khu vực phòng thủ theo kế hoạch bảo đảm cho các đơn vị. |  |
| **03** | **CAO**  - Là khi an ninh chính trị trên một hay nhiều khu vực hoặc cả nước bị đe dọa, tình hình trật tự, an toàn xã hội diễn biến rất phức tạp có nguy cơ lực lượng phản động gây bạo loạn, cướp chính quyền hoặc địch chuẩn bị can thiệp từ bên ngoài vào để hỗ trợ cho bọn phản động trọng nội địa.  - Khi có hiện tượng địch chuẩn bị cấm vận, bao vây, phong tỏa đường biển, đường không, chuẩn bị lấn chiếm biên giới, biển, đảo, vô hiếu hóa thông tin truyền thông, tập kích hỏa lực.  - Khi có nguy cơ địch chuẩn bị tiến công xâm lược.  - Lực lượng vũ trang phải chuyển lên trang thái SSCĐ cao để nhanh chóng thực hiện các nhiêm vụ chiến đấu hoặc thi hành lện ban bố tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm, động viên cục bộ. | **1. Vị trí chỉ huy.**  - Nhận và truyền lệnh cho các đơn vị thuộc quyền chuyển lên trạng thái SSCĐ cao.  - Vị trí chỉ huy các đơn vị tại khu sơ tán làm nhiệm vụ A (hoặc vị trí chỉ huy khu tập kết làm nhiệm vụ A2; Chiếm lĩnh trận địa, sẵn sàng chiến đấu khi làm nhiệm vụ A3, A4.  - Chỉ huy và giúp đỡ đơn vị thuộc quyền chuyển trạng thái SSCĐ và mở niêm theo quy định.  - Triển khai toàn bộ hệ thống thông tin chỉ huy, hiệp đồng thông báo, báo động các cấp. Tiếp nhận một số kênh liên lạc mạng thông tin của trên, của địa phương.  - Nắm chắc tình hình, nhận định báo cáo cấp trên, kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho đơn vị.  - Đình chỉ xuất ngũ, nghỉ phép, an dưỡng. Gọi tất cả các quân nhân nghỉ phép, an dưỡng, công tác xa... về đơn vị nhận nhiệm vụ.  - Tổng hợp báo cáo cấp trên.  **2. Tuần tra cảnh giới, tổ chức nắm địch**  **a) Tuần tra cảnh giới.**  Phối hợp chặt chẽ với công an và các lực lượng khác, triển khai bảo vệ các mục tiêu được giao, tăng cường lực lượng tuần tra, canh gác ở các khu vực trọng điểm, trên biên giới đối địch, hải đảo, vùng biển, vùng trời, các mục tiêu quan trọng.  **b) Tổ chức nắm địch.**  Triển khai toàn bộ lực lượng, phương tiện các phương thức nắm địch, năm chắc mọi tình hình, tổ chức trinh sát theo các phương án tác chiến để nắm địch ở các trọng điểm A2, trên biên giới, trên không, trên biển, nội ngoại biên, tập trung trên hướng chủ yếu, kịp thời phát hiện âm mưu, thủ đoạn, hành động của địch. Xử trí kịp thời, chính xác không để bị động, bất ngờ và báo cáo với người chỉ huy.  **3. Lực lượng làm nhiệm vụ SSCĐ.**  \* **Đối với các lực lượng làm nhiệm vụ A:**  - Các đơn vị nhanh chóng cơ động ra khu sơ tán để bảo toàn lực lượng và làm công tác chuẩn bị chiến đấu;  - Tổ chức lực lượng đi trước chuẩn bị đường cơ động, xây dựng VTCH... và báo cáo kịp thời với người chỉ huy.  **\* Đối với các lực lượng làm nhiệm vụ A2:**  - Đơn vị cơ động vòng ngoài: Khẩn trương cơ động vào khu tập kết chiến đấu. Sẵn sàng thực hiện chốt chặn vòng ngoài, triển khai lực lượng đánh địch theo kế hoạch.  - Đơn vị chốt chăn, cơ động vòng trong: Nhanh chóng cơ động vào khu tập kết chuẩn bị chiến đấu. Tăng cường lực lượng bảo vệ mục tiêu không để mất. Sẵn sàng đánh chiếm, giải toả mục tiêu, chốt chặn vòng trong. Thi hành lệnh khẩn cấp của Chủ tịch Nước;  - Đơn vị trực tiếp bảo vệ mục tiêu: Cơ động ra khu tập kết hoặc chiếm lĩnh mục tiêu, kết hợp với LLVT tại chỗ tổ chức trận địa chiến đấu, tuần tra, canh gác, bảo đảm an toàn và duy trì các hoạt động chức năng của mục tiêu.  - Sử dụng lực lượng thích hợp tham gia tuyên truyền, vận động quần chúng. Phối hợp với công an và các đơn vị bạn tổ chức tuần tra, canh gác bảo đảm giữ vững ANCT-TTATXH trên địa bàn.  **4. Vũ khí trang bị kỹ thuật**  - VKTBKT của tất cả các đơn vị đã triển khai phải bảo đảm SSCĐ.  - Mở niêm bảo quản dài hạn, cơ số đạn chiến đấu cấp theo súng, số còn lại để ở khu sơ tán, hoặc khu tập kết (để nguyên bao gói hoặc trong hộp) sẵn sàng cấp khi có lệnh;  - Mở niêm cất và cấp đạn, và cấp khí tài Thông tin khi có lệnh;  - Cấp phát đủ TBKT cho các đơn vị đã động viên, chuẩn bị cấp phát cho đơn vị sẽ động viên. Tiếp nhận các cơ sở lực lượng kỹ thuật, động viên theo kế hoạch.  **5. Bảo đảm vật chất hậu cần, kỹ thuật**  Lượng dự trữ vật chất hậu cần, kỹ thuật bảo đảm chiến đấu phải chuyển ngay đến trận địa, khu sơ tán, khu tập kết để cấp phát cho các đơn vị. Kiểm tra, bổ sung bảo đảm lượng dự trữ vật chất HC-KT. Tổ chức tiếp nhận vật chất, phương tiện kỹ thuật của Sư đoàn theo kế hoạch. |  |
| **04** | **TOÀN BỘ**  - Khi an ninh chính trị trên một hay nhiều khu vực hoặc cả nước bị đe doạ nghiêm trọng. Tình hình trật tự, an toàn xã hội diễn biến rất phức tạp, nhiều nguy cơ lực lượng phản động gây bạo loạn, cướp chính quyền hoặc địch chuẩn bị can thiệp từ bên ngoài vào để hỗ trợ cho bọn phản động trong nội địa.  - Khi có nguy cơ rõ địch chuẩn bị cấm vận, bao vây, phong toả đường biển, đường không; lấn chiếm biên giới, biển, đảo; chế áp vô hiệu hóa hệ thống thông tin viễn thông; tập kích hoả lực.  - Khi biết chính xác địch chuẩn bị tiến công xâm lược.  - LLVT phải chuyển lên trạng thái SSCĐ toàn bộ để chủ động thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu hoặc thi hành lệnh tuyên bố tình trạng chiến tranh, thiết quân luật, giới nghiêm, tổng động viên. | **1. Vị trí chỉ huy**  - Nhận và truyền lệnh cho các đơn vị thuộc quyền chuyển lên trạng thái SSCĐ toàn bộ. Mọi hoạt động theo chế độ thời chiến;  - Thông báo với cấp ủy, chính quyền, LLVTĐP những mệnh lệnh tin tức có liên quan.  - Thi hành lệnh của Chủ tịch Nước, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và mệnh lệnh của Bộ trưởng BQP, BTTM về tình trạng chiến tranh, thiết quân luật, giới nghiêm, tổng động viên.  - Chỉ huy các đơn vị làm việc tại VTCH ở khu vực tập trung bí mật để chỉ huy các đơn vị SSCĐ, hiệp đồng chiến đấu với đơn vị bạn. Xử lý các tình huống.  - Chỉ huy và hướng dẫn các đơn vị cấp dưới chuyển trạng thái SSCĐ; tiếp tục mở niêm và động viên theo kế hoạch, tiếp tục nhận lực lượng, trang bị của Sư đoàn.  - Quản lý chặt chẽ đơn vị về mọi mặt. Nắm chắc các hành động bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang của bọn phản động nội địa và các hoạt động quân sự, chính trị của địch. Chỉ huy ngăn chặn, đẩy lùi , đánh bại hành động quân sự của địch.  - Triển khai các kế hoạch biện pháp, bí mật ngụy trang, bảo toàn lực lượng.  - Báo cáo kịp thời kết quả chuyển trạng thái SSCĐ, diễn biến về an ninh chính trị, địch nội ngoại biên, vùng trời, vùng biển.  **2. Tuần tra cảnh giới, tổ chức nắm địch**  **a) Tuần tra cảnh giới.**  Tăng cuờng tuần tra cảnh giới, phát hiện các âm mưu gây rối, bạo loạn và các hoạt động đột nhập, lấn chiếm, xâm lược của địch trên địa bàn đảm nhiệm.  **b) Tổ chức nắm địch**  Triển khai tất cả lực lượng, phương tiện, các phương thức nắm địch của các LLVT, các cấp, các ngành địa phương để chủ động nắm chắc tình hình, dự báo sớm âm mưu, thủ đoạn hoạt động của địch. Các nguồn tin phải được xử lý và báo cáo kịp thời phục vụ cho Sư đoàn chỉ đạo, chỉ huy trong mọi tình huống, trên từng hướng, khu vực được phân công.  **3. Tổ chức lực lượng làm nhiệm vụ SSCĐ**  **\* Đối với các lực lượng làm nhiệm vụ A:**  - Bộ phận làm nhiệm vụ chiến đấu bám sát trận địa, sẵn sàng ngăn chặn, đẩy lùi, đánh bại các đợt tiến công của địch.  - Bộ phận làm nhiệm vụ chiến đấu còn lại, tiếp tục cơ động ra khu tập trung bí mật, thực hiện các biện pháp chuyển trạng thái SSCĐ, sẵn sàng cơ động chiến đấu theo kế hoạch.  **\* Đối với các lực lượng làm nhiệm vụ A2:**  - Thi hành lệnh của Chủ tịch nước và mệnh lệnh của Bộ trưởng BQP về tình trạng chiến tranh, thiết quân luật, giới nghiêm, tổng động viên.  - Đơn vị cơ động vòng ngoài: Triển khai các chốt chặn vòng ngoài. Tổ chức nắm chắc diễn biến, hoạt động về địch để chủ động bao vây, cô lập, tiêu diệt lực lượng can thiệp, chi viện, giải tỏa, ứng cứu.  - Đơn vị chốt chặn, cơ động vòng trong: Phối hợp với Công an và các lực lượng khác bằng mọi biện pháp giữ vững ANCT-TTATXH trên địa bàn; bảo vệ các mục tiêu trọng yếu; sẵn sàng cơ động giải toả, đánh chiếm lại mục tiêu; tiêu diệt lực lượng phản động có vũ trang.  - Đơn vị trực tiếp bảo vệ mục tiêu: Bằng mọi biên pháp bảo đảm an toàn và duy trì các hoạt động chức năng của mục tiêu.  - Sử dụng một phần lực lượng đơn vị phối hợp với các lực lượng khác kịp thời tiêu diệt địch can thiệp từ bên ngoài vào.  **4. Vũ khí trang bị kỹ thuật**  - Tất cả VKTBKT của các đơn vị phải bảo đảm SSCĐ.  - Cấp phát đủ VKTBKT cho các đơn vị đã động viên theo tổ chức biên chế thời chiến.  - Cấp phát bổ sung số VKTBKT tiêu hao, sửa chữa VKTBKT hư hỏng cho các đơn vị tham gia chiến đấu; cấp phát cơ số tiếp theo và cơ động lực lượng bảo đảm kỹ thuật theo các hướng chiến đấu của đơn vị khi có lệnh.  **5. Dự trữ vật chất hậu cần, kỹ thuật**  - Kiểm tra, điều chỉnh kế hoạch bảo đảm lượng dự trữ đủ trang bị cho các đơn vị theo tổ chức biên chế thời chiến;  - Có kế hoạch khôi phục lượng dự trữ. Tiếp tục nhận vật chất, phương tiện kỹ thuật. |  |

**THỜI GIAN CHUYỂN TRẠNG THÁI SSCĐ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **NHIỆM VỤ A** | | | | | | | | | **NHIỆM VỤ A2** | | | | | | | | | **NHIỆM VỤ A3** | | | | | | | | | **NHIỆM VỤ A4** | | | | | | | | | GHI CHÚ |
| TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | **TC LÊN C, TB** | | | | **TC LÊN C, TB** | | | |  | **TC LÊN C, TB** | | | | **TC LÊN C, TB** | | | |  | **TX LÊN C, TB** | | | | **TX LÊN C, TB** | | | | TX lên TC | **TX LÊN C, TB** | | | | **TX LÊN C, TB** | | | |
| TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng | TG chuẩn bị rời khỏi vị trí TX | TG cơ động (sơ tán phân tán) | TG triển khai chuẩn bị chiến đấu xong | Cộng |
| **1** | **dTT18** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **cVTĐ1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **bVTĐ1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **bVTĐ2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **bVTĐ1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**NỘI DUNG, BIỆN PHÁP CỦA CHỈ HUY, ĐƠN VỊ KHI CTT-SSCĐ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CTT-SSCĐ CỦA CHỈ HUY, ĐƠN VỊ**

| **TT** |  | **NHIỆM VỤ A** | | | | | | | | **NHIỆM VỤ A2** | | | | | | | | **NHIỆM VỤ A3** | | | | | | | | **NHIỆM VỤ A4** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TG Quy định** | **Thời gian tiến hành** | | | | | | **Đảm nhiệm** | **TG Quy định** | **Thời gian tiến hành** | | | | | | **Đảm nhiệm** | **TG Quy định** | **Thời gian tiến hành** | | | | | | **Đảm nhiệm** | **TG Quy định** | **Thời gian tiến hành** | | | | | | **Đảm nhiệm** |
| **00.10** | **…** | **…** | **…** | **…** | **03.00** | **00.10** | **…** | **…** | **…** | **…** | **03.00** | **00.10** | **…** | **…** | **…** | **…** | **03.00** | **00.10** | **…** | **…** | **…** | **…** | **00.50** |
| **I** | **Thường xuyên lên TC** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Nhận và ra lệnh CTT-SSCĐ từ TX lên TC cho đơn vị.**  - Nghe trực ban báo cáo.  - Chỉ thị cho trực ban những công việc cần làm ngay.  - Báo cáo chỉ huy cấp trên về việc đơn vị đã nhận và chấp hành mệnh lệnh CTT-SSCĐ lên tăng cường của cấp trên. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Trao đổi với chính trị viên.**  - Trao đổi với chính trị viên về việc nhận mệnh lệnh CTT-SSCĐ lên tăng cường, thống nhất nội dung, phương pháp tổ chức quán triệt mệnh lệnh trong chỉ huy. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Hội ý chỉ huy.**  - Quán triệt nhiệm vụ, phân công chỉ huy phụ trách các mặt công tác.  - Chuẩn bị nội dung để phổ biến mệnh lệnh CTT cho các đơn vị thuộc quyền. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Phổ biến mệnh lệnh CTT-SSCĐ, chỉ thị những việc cần làm ngay; thông báo lịch làm ngay.**  - Thông báo mệnh lệnh CTT-SSCĐ .  - Thông báo tình hình địch và tình hình an ninh chính trị trong khu vực đóng quân.  - Chính trị viên chỉ thị các hoạt động CTĐ, CTCT.  - ct kết luận, chỉ thị các công việc cần làm ngay cho các đơn vị.  - Phó dt phổ biến lịch thời gian. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Nghe báo cáo, đề đạt một số nội dung chính của đơn vị.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Họp Chi ủy.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổng hợp tình hình báo cáo cấp trên.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Tăng cường lên cao, toàn bộ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Nhận và ra lệnh CTT-SSCĐ từ TC lên C cho đơn vị.  - Nghe trực ban báo cáo.  - Chỉ thị cho TB một số vấn đề cần làm ngay.  - Báo cáo chỉ huy các cấp trên về việc đơn vị đã nhận và chấp hành mệnh lệnh CTT-SSCĐ lên cao của cấp trên. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Trao đổi với chính trị viên.**  - Trao đổi với chính trị viên về việc nhận mệnh lệnh CTT-SSCĐ cao, mệnh lệnh đông viên; thống nhất nội dung, phương pháp tổ chức quán triệt mệnh lệnh trong chỉ huy. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Hội ý chỉ huy.**  - Quán triệt nhiệm vụ, phân công chỉ huy phụ trách các mặt công tác.  - Chuẩn bị nội dung để phổ biến mệnh lệnh CTT, mệnh lệnh động viên cho chỉ huy các đơn vị thuộc quyền. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Phổ biến mệnh lệnh CTT-SSCĐ, mệnh lệnh động viên, chỉ thị những việc cần làm ngay; thông báo lịch thời gian.**  - Thông báo mệnh lệnh CTT-SSCĐ, động viên.  - Thông báo tình hình địch và tình hình ANCT-TTATXH  trong khu vực đóng quân.  - Chính trị viên chỉ thị các hoạt động CTĐ, CTCT.  - ct kết luận, chỉ thị những công việc cần làm ngay cho các đơn vị.  - Phó ct phổ biến lịch thời gian.  - Chỉ đạo bộ phận đi trước trinh sát đường cơ động, chuản bị VCTH ở khu sơ tán, Khu tập kết (A2), nhanh chóng phổ biến kế hoạch cơ động lực lượng và cơ động ra khu sơ tán gần. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Nghe báo cáo tình hình của NVCM và các đơn vị.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Họp Đảng ủy.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổ chức cơ động lực lượng chính.**  - Chỉ huy lực lượng vận chuyển bảo đảm theo kế hoạch của trên.  - Phổ biến kế hoạch cơ động lực lượng; kế hoạch di chuyển vị trí chỉ huy trong CTT-SSCĐ cao.  - Hạ đặt mệnh lệnh hành quân.  - Thực hành cơ động lực lượng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** | **Tiếp tục thực hiện các nội dung tại khu vực trong CTT-SSCĐ cao.**  - Nghe pct báo cáo tình hình khu vực trú quân; nghe chỉ huy các đơn vị báo cáo tình hình trong quá trình cơ động…  - Chỉ thị những công việc cần làm cho các đơn vị.  - pct phổ biến kế hoạch chiến đấu tại khu vực trú quân và quy định về tuần tra, canh gác, bảo mật, ngụy trang, nghi binh, bảo đảm đời sống.  - Họp Chi ủy đánh giá kết quả thực hiện mệnh lệnh CTT-SSCĐ cao.  - Tiếp tục thực hiện các biện pháp chuyển đơn vị vào trạng thái SSCĐ theo mệnh lệnh.  - Tổng hợp tình hình kết quả CTT-SSCĐ báo cáo cấp trên. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | TX lên C, toàn bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Nhận và ra lệnh CTT-SSCĐ từ TX lên C, toàn bộ cho đơn vị.  - Nghe trực ban báo cáo.  - Chỉ thị cho TB một số vấn đề cần làm ngay.  - Báo cáo chỉ huy các cấp trên về việc đơn vị đã nhận và chấp hành mệnh lệnh CTT-SSCĐ lên cao, toàn bộ của cấp trên. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Trao đổi với chính trị viên.**  - Trao đổi với chính trị viên về việc nhận mệnh lệnh CTT-SSCĐ cao, mệnh lệnh đông viên; thống nhất nội dung, phương pháp tổ chức quán triệt mệnh lệnh trong chỉ huy. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Hội ý chỉ huy.**  - Quán triệt nhiệm vụ, phân công chỉ huy phụ trách các mặt công tác.  - Chuẩn bị nội dung để phổ biến mệnh lệnh CTT, mệnh lệnh động viên cho chỉ huy các đơn vị thuộc quyền. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Phổ biến mệnh lệnh CTT-SSCĐ, mệnh lệnh động viên, chỉ thị những việc cần làm ngay; thông báo lịch thời gian.**  - Thông báo mệnh lệnh CTT-SSCĐ, động viên.  - Thông báo tình hình địch và tình hình ANCT-TTATXH  trong khu vực đóng quân.  - Chính trị viên chỉ thị các hoạt động CTĐ, CTCT.  - ct kết luận, chỉ thị những công việc cần làm ngay cho các đơn vị.  - pct phổ biến lịch thời gian.  - Chỉ đạo bộ phận đi trước trinh sát đường cơ động, chuản bị VCTH ở khu sơ tán, Khu tập kết (A2), chuẩn bị trận địa cho bSMPK 12,7 để sẵn sàng cơ động (nếu thực hiện nhiệm vụ A4, nhanh chóng phổ biển kế hoạch cơ động lực lượng và cơ động lực lượng ra khu sơ tán gần). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Nghe báo cáo tình hình của NVCM và các đơn vị.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Họp Chi ủy.** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổ chức cơ động lực lượng chính.**  - Chỉ huy lực lượng vận chuyển bảo đảm theo kế hoạch của trên.  - Phổ biến kế hoạch cơ động lực lượng; kế hoạch di chuyển vị trí chỉ huy trong CTT-SSCĐ cao, toàn bộ.  - Hạ đặt mệnh lệnh hành quân.  - Thực hành cơ động lực lượng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** | **Tiếp tục thực hiện các nội dung tại khu vực trong CTT-SSCĐ cao, toàn bộ.**  - Nghe pct báo cáo tình hình khu vực trú quân; nghe chỉ huy các đơn vị báo cáo tình hình trong quá trình cơ động…  - Chỉ thị những công việc cần làm cho các đơn vị.  - pctphổ biến kế hoạch chiến đấu tại khu vực trú quân và quy định về tuần tra, canh gác, bảo mật, ngụy trang, nghi binh, bảo đảm đời sống.  - Họp Chi ủy đánh giá kết quả thực hiện mệnh lệnh CTT-SSCĐ cao, toàn bộ.  - Tiếp tục thực hiện các biện pháp chuyển đơn vị vào trạng thái SSCĐ theo mệnh lệnh.  - Tổng hợp tình hình kết quả CTT-SSCĐ báo cáo cấp trên. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG BẢO VỆ CÁC MỤC TIÊU QUAN TRỌNG VÀ DOANH TRẠI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **LỰC LƯỢNG ĐẢM NHIỆM** | **CHỈ HUY** | **THỜI CƠ TRIỂN KHAI** | **VŨ KHÍ, TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN BẢO ĐẢM** | **ĐƠN VỊ HIỆP ĐỒNG CHI VIỆN** | **CÔNG TÁC BẢO ĐẢM** | **ĐƠN VỊ BÀN GIAO** | **TÍN HIỆU HỢP ĐỒNG** |
| 01 | Vị trí CH/d | TRẠNG THÁI SSCĐ TĂNG CƯỜNG | | | | | | | |
| aQB | dpQS | Khi CTT-SSCĐ Tăng cường | Quân số = 04đ/c  AK = 04 khẩu  Đạn = 80 viên | cVTĐ1 | Bảo đảm quân sô VKTB theo nhiệm vụ | cHTĐ2 | - Kẻng 1 hồi 3 tiếng liên tục.  - Khẩu lệnh trực tiếp. |
| 02 | Kho hậu cần | aNQ | dpQS | Khi CTT-SSCĐ Tăng cường | Quân số = 03đ/c  AK = 03 khẩu  Đạn = 60 viên | cHTĐ2 | Bảo đảm quân sô VKTB theo nhiệm vụ | cVTĐ1 | - Kẻng 1 hồi 3 tiếng liên tục.  - Khẩu lệnh trực tiếp |
| 03 | Vị trí CH/d | TRẠNG THÁI SSCĐ CAO, TOÀN BỘ | | | | | | | |
| aQB | dpQS | Khi CTT-SSCĐ cao, toàn bộ | Quân số = 04đ/c  AK = 04 khẩu  Đạn = 80 viên | cVTĐ1 | Bảo đảm quân sô VKTB theo nhiệm vụ | cHTĐ2 | - Kẻng 1 hồi 3 tiếng liên tục.  - Khẩu lệnh trực tiếp |
| 04 | Kho hậu cần | aNQ | dpQS | Khi CTT- SSCĐ cao, toàn bộ | Quân số = 04đ/c  AK = 04 khẩu  Đạn = 80 viên | cHTĐ2 | Bảo đảm quân sô VKTB theo nhiệm vụ | cVTĐ1 | - Kẻng 1 hồi 3 tiếng liên tục.  - Khẩu lệnh trực tiếp |

**PHÂN CÔNG TỔ NHÓM CÔNG TÁC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Thành phần** | **Người phụ trách** | **Người giao, nhận** | **Vũ khí, trang bị, phương tiện** | | | | | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
| 1 | Nhận vũ khí |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Cấp phát vũ khí |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nhận vật chất hậu cần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Cấp phát vật chất hậu cần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nhận lương thực, thực phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Cấp phát lương thực, thực phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG CƠ ĐỘNG, Ở LẠI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **QUÂN NHÂN HIỆN CÓ** | | | | | **LỰC LƯỢNG CƠ ĐỘNG** | | | | | | | **LỰC LƯỢNG Ở LẠI** | | | | | | | **GHI CHÚ** |
| **SQ** | **QNCN** | **HSQ, CS** | **CNVQP** | **+** | **SQ** | **QNCN** | **HSQ, CS** | **CNVQP** | **VKTBKT** | **+** | **CHỈ HUY** | **SQ** | **QNCN** | **HSQ, CS** | **CNVQP** | **VKTBKT** | **+** | **CHỈ HUY** |
| 01 | c.Bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 02 | bVTĐ1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 03 | bVTĐ2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 04 | bVTĐ3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**TỔ CHỨC BIÊN CHẾ THỜI BÌNH, THỜI CHIẾN**

**cVTĐ1**

TB:

TC:

**bVTĐ2**

TB:

TC:

**bVTĐ1**

TB:

TC:

**bVTĐ3**

TB:

TC:

**c bộ**

TB:

TC:

**THỐNG KÊ QUÂN SỐ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **QUÂN SỐ QUẢN LÝ** | | | | | **QUÂN SỐ VẮNG** | | | | | | | | **QUÂN SỐ HIỆN CÓ** | | | | |
| **SQ** | **QNCN** | **HSQ, CS** | **CNVQP** | **+** | **PHÉP** | **VIỆN** | **Đ. NGŨ** | **HỌC XA** | **C. TÁC** | **CHỜ SỔ** | **VẮNG KHÁC** | **+** | **SQ** | **QNCN** | **HSQ, CS** | **CNVQP** | **+** |
| 01 | c Bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 02 | bVTĐ1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 03 | bVTĐ2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 04 | bVTĐ3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **05** | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THỐNG KÊ VŨ KHÍ, TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN**

| **TT** | **VKTBPT** | **Đ.VỊ**  **TÍNH** | **TỔNG SỐ** | **PHÂN CẤP** | | | | **THỰC LỰC CÁC ĐƠN VỊ** | | | | | | **KHO** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2,3** | **4** | **5** | **d Bộ** | **cVTĐ1** | **cHTĐ2** |  |  |  |
| **HIỆN CÓ** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Vũ khí** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | K54, K59 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | T.liên AK |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Khí tài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Ống nhòm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Địa bàn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Đạn dược** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | K56 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | K54 + K59 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Quân cụ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cuốc pháo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xẻng pháo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cuốc BB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xẻng BB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cưa tay |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dao tông |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Búa tạ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xà beng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Thông tin** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | **VTĐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy VTĐsn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy VTĐscn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | **HTĐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng đài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy ĐT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dây bọc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **NHU CẦU** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Vũ khí** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | K54, K59 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | T.liên AK |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Khí tài** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Ống nhòm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Địa bàn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Đạn dược** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | K56 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | K54 + K59 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Quân cụ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cuốc pháo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xẻng pháo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cuốc BB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xẻng BB |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cưa tay |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dao tông |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Búa tạ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xà beng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Thông tin** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | **VTĐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy VTĐsn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy VTĐscn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | **HTĐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng đài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Máy ĐT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dây bọc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**THỜI GIAN MỞ NIÊM BẢO ĐẢM CHO CHUYỂN TRẠNG THÁI SSCĐ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **NIÊM NGẮN HẠN** | | **NIÊM DÀI HẠN** | | **GHI CHÚ** |
| **VKTB, PHƯƠNG TIỆN** | **THỜI GIAN**  **MỞ NIÊM** | **VKTB, PHƯƠNG TIỆN** | **THỜI GIAN**  **MỞ NIÊM** |
| **TRẠNG THÁI SSCĐ TĂNG CƯỜNG** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TRẠNG THÁI SSCĐ CAO** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TRẠNG THÁI SSCĐ TOÀN BỘ** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**LƯỢNG DỰ TRỮ ĐẠN, VẬT CHẤT HẬU CẦN CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐƠN VỊ** | **ĐẠN (Cơ số)** | | | | | | | | **QUÂN LƯƠNG** | | | | **XĂNG DẦU** | | | |
| **ĐẠN BB NHÓM 1** | | **ĐẠN BB NHÓM 2** | | **ĐẠN PHÁO** | | **ĐẠN SMPK** | | **GẠO TẺ**  **(Kg)** | | **L. KHÔ**  **(Kg)** | | **XĂNG**  **(Lít)** | | **DIEZEN**  **(Lít)** | |
| **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** | **Q.Đ** | **H.CÓ** |
| 01 | d18 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |